

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TIẾNG NGÀ 2

РУССКИЙ ЯЗЫК 2

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần: Tiếng Nga 2

- Mã học phần: 191244002

1.2. Số tín chỉ: 4

1.3. Bộ môn phụ trách: Bộ môn tiếng Nga

1.4. Tên giảng viên đảm nhận giảng dạy:

Giảng viên 1:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Tâm

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, Giảng viên cơ hữu

Địa điểm làm việc: Khoa ngôn ngữ Nga-Hàn

Điện thoại, email: 0984166908

Hướng nghiên cứu chính: Thực hành tiếng Nga, Lý thuyết tiếng

Giảng viên 2:

Họ và tên: Hoàng Thu Quỳnh

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, Giảng viên cơ hữu

Địa điểm làm việc: Khoa ngôn ngữ Nga-Hàn

Điện thoại, email: 0917677883

Hướng nghiên cứu chính: Thực hành tiếng Nga, Biên dịch, Phiên dịch

1.5. Loại học phần: Bắt buộc

1.6. Điều kiện tiên quyết: Trước khi học học phần này, người học phải hoàn thành xong các môn học thuộc Khối kiến thức Đại cương/ Cơ sở Ngành/Ngành.

1.7. Phân bổ thời gian:

- Nghe giảng lý thuyết (gồm bài tập): 60 tiết

- Tự học: 120 giờ

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung của học phần:

Sau khi học xong học phần Tiếng Nga 2, người học sẽ có được những kiến thức đầu tiên, cơ bản nhất về Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ pháp tiếng Nga và rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở trình độ sơ cấp.

2.2. Mục tiêu cụ thể của học phần

Mã mục tiêu	Mô tả mục tiêu
G1	<i>Về kiến thức:</i> Người học nắm được kiến thức về các đặc điểm cấu âm cơ bản của hệ thống âm tiếng Nga; các quy tắc phát âm, sự tương ứng giữa âm và chữ cái; các quy tắc trọng âm, luật nhược hóa nguyên âm và đồng hóa phụ âm; các loại ngữ điệu, các cách phân chia ngữ đoạn cơ bản; cách biến đổi và ý nghĩa cơ bản của danh từ, tính từ, đại từ chỉ định số ít của sáu cách; thời, thể của động từ; động từ chuyển động.
G2	<i>Về kỹ năng:</i> Người học vận dụng các kiến thức được trang bị để thực hành xây dựng các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở Trình độ sơ cấp.
G3	<i>Về tự chủ, tự chịu trách nhiệm:</i> Có trách nhiệm trong quá trình tiếp cận môn học; biết phối hợp khi làm việc theo nhóm, phát huy trí tuệ tập thể để đạt được chuẩn đầu ra của học phần.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

a) Về kiến thức

- **CLO1:** Nhớ, hiểu, nhắc lại, mô tả, trình bày được về các đặc điểm cấu âm cơ bản của hệ thống âm tiếng Nga; các quy tắc phát âm, sự tương ứng giữa âm và chữ cái; các quy tắc trọng âm, luật nhược hóa nguyên âm và đồng hóa phụ âm; các loại ngữ điệu, các cách phân chia ngữ đoạn cơ bản.
- **CLO2:** Giải thích và vận dụng các kiến thức về đặc điểm cấu âm cơ bản của hệ thống âm tiếng Nga, các loại ngữ điệu..... để phát âm chuẩn, chính xác, đúng ngữ điệu, đúng trọng âm từ, trọng âm câu.
- **CLO3:** Nhớ, hiểu và nhắc lại từ vựng theo các chủ đề của mỗi bài học như từ vựng giới thiệu về bản thân, thời thơ ấu, gia đình, bạn bè, thành phố, ngày làm việc, việc học tập, thời gian rỗi, sở thích.
- **CLO4:** Vận dụng lượng từ vựng đã được cung cấp để tạo thành cụm từ, câu đơn và câu phức.
- **CLO5:** Nhớ, hiểu, nhắc lại, mô tả và trình bày được về cách biến đổi và ý nghĩa cơ bản của danh từ, tính từ, đại từ chỉ định số ít của sáu cách; các cách chia động từ cơ bản, kiểu chia thứ nhất và thứ hai; thời động từ tiếng Nga: Thời hiện tại, quá khứ và tương lai; thể động từ tiếng Nga (Hoàn và chưa hoàn thành thể); động từ chuyển động nhóm 1, 2; trạng từ chỉ thời gian, nơi chốn, địa điểm, tần suất; câu đơn và một số câu phức cơ bản: câu phức chỉ nguyên nhân, câu phức chỉ kết quả, câu phức chỉ mục đích.

- **CLO6:** Áp dụng các cấu trúc ngữ pháp đã học để tạo ra những văn bản dưới dạng nói hoặc viết ở Trình độ sơ cấp (Mức tối thiểu).

b) Về kỹ năng

- **CLO7:** Nhớ, hiểu và phân tích được nội dung, chủ đề, ý chính của một bài độc thoại hoặc hội thoại có nội dung phù hợp với trình độ của người học và đọc với tốc độ chậm của người bản ngữ; Nghe hiểu chủ điểm và thông tin chính của thông báo, bài khóa về các lĩnh vực giao tiếp hàng ngày và các lĩnh vực văn hóa xã hội.

- **CLO8:** Vận dụng các kiến thức được trang bị để nói theo các mẫu câu; các nghi thức lời nói; các chủ đề cho trước có độ dài không dưới 7 câu; diễn đạt lời nói độc thoại hoặc hội thoại dựa theo thông tin trong bài khóa cho sẵn; xây dựng các bài độc thoại/ hội thoại dựa trên thông tin đã cho sẵn.

- **CLO9:** Nhớ, hiểu và phân tích các quy tắc phát âm; ngữ điệu; đọc to, rõ ràng, truyền cảm, phát âm chuẩn, đúng ngữ điệu; trình bày được nội dung chính của bài khóa ngắn phù hợp với các chủ đề cho trước; đọc văn bản (bài khóa, thông báo, bài văn, truyện ngắn ...) và biết ngắt, nghỉ, chia đoạn nội dung của nó; hiểu đầy đủ và chính xác các thông tin cơ bản có trong văn bản.

- **CLO10:** Nhớ được đúng kiểu chữ, viết đúng chính tả, dùng đúng các dấu câu; vận dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học để viết các câu văn, đoạn văn ngắn dựa theo đề tài và câu hỏi gợi ý; vận dụng xây dựng các đoạn văn, bài luận với các chủ đề được nghiên cứu phù hợp với nhiệm vụ giao tiếp đặt ra, dựa trên các câu hỏi cho trước hay dựa trên một văn bản được đọc trước; các đoạn văn, bài luận thể hiện quan điểm cá nhân của mình dựa trên một văn bản cho trước; chủ đề của đoạn văn hay bài luận có liên quan đến lĩnh vực giao tiếp hàng ngày và lĩnh vực văn hóa xã hội.

c) Về tự chủ và trách nhiệm

- **CLO11:** Tự chủ đưa ý kiến, bình luận và các chỉnh sửa về các chủ đề, chủ điểm được đưa ra trong học phần; đánh giá một cách khách quan quá trình tiếp nhận kiến thức được trang bị, các kỹ năng được rèn phù hợp với mục tiêu học phần.

- **CLO12:** Tạo ra một văn bản dưới dạng nói hoặc viết tương ứng trình độ sơ cấp, thể hiện quan điểm cá nhân về các chủ đề, chủ điểm được đưa ra trong học phần và chịu trách nhiệm về tính chính xác, độ tin cậy của văn bản do mình xây dựng.

4. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tiếng Nga 2 trang bị cho người học những kiến thức về Tiếng Nga ở Trình độ sơ cấp (Mức tối thiểu). Trong mỗi bài có các nội dung chính sau: các mẫu lời nói; các nghi thức lời nói; ngữ liệu phần phát âm, từ vựng và ngữ pháp; các bài luyện nghe, đọc, nói và viết; các tình huống giao tiếp trong lớp học, ở nhà, ở trường, trên phố, ở cửa hàng, trong nhà ăn, ở ký túc xá. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức tối thiểu về tiếng Nga (từ

vựng, ngữ âm, ngữ pháp) và vận dụng được kiến thức đó để thực hành xây dựng các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở Trình độ sơ cấp.

5. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Đáp ứng CDR của học phần	Phân bổ thời lượng cho các hoạt động giảng dạy và học tập				
		Thời lượng giảng dạy (Tiết)				Thời gian sinh viên tự học (Giờ)
		Lý thuyết (gồm bài tập) (Tiết)	Bài tập (Tiết)	Thảo luận nhóm (Tiết)	Thực hành, thí nghiệm, thực tập (Tiết)	
Урок 4		15				30
4.1. Речевые образцы: - Это аптека? - Нет, это не аптека. Это почта. - Когда жарко? Летом. - Что это? - Это банк. - Скажите, пожалуйста, где метро?- Метро там.	CLO7, CLO8	2				4
4.2. Элементы речевого этикета: - Можно?- Нельзя. Ничего! Правда? Извини! Извините! Скажи! Скажите! Позвоните! Позвони!	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	2				4
4.3. Фонетический материал: 4.3.1. Понятие о твёрдых и мягких согласных. 4.3.2. Правило чтения [е], [э] в безударных позициях. 4.3.3. Согласные (ч,щ). 4.3.4. Правило чтения сочетаний чт и чн. 4.3.5. Ритмика многосложных слов и словосочетаний.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	2				4
4.4. Грамматический материал: 4.4.1. Отрицательные конструкции (нет, это не...).	CLO5, CLO6	3				6

	Đáp ứng CDR của học phần	Phân bổ thời lượng cho các hoạt động giảng dạy và học tập				
		Thời lượng giảng dạy (Tiết)				Thời gian sinh viên tự học (Giờ)
Nội dung 4.4.2. Обобщение категории рода имён существительных. 4.4.3. Использование императива для выражения обращения и просьбы: Дай(те)! Скажи(те)! Покажи(те)! 4.4.4. Конструкция вопросительного предложения с вопросом к неодушевлённым существительным. 4.4.5. Конструкция с вопросом Где?						
4.5. Чтение: Текст «Мой альбом».	CLO9, CLO10,	2				4
4.6. Диалог по телефону.	CLO7, CLO8	2				4
4.7. Домашнее задание.	CLO9, CLO10, CLO11, CLO12	2				4
Урок 5		15				30
5.1. Речевые образцы: - Как вас зовут? - Меня зовут Виктор. - Вы знаете, кто он? - Я знаю, кто он. Он инженер. - Чьи это вещи? - Мои.	CLO7, CLO8	2				4
5.2. Элементы речевого этикета: - Привет! Пока! - Вы не знаете, где метро?- Конечно, знаю. Вон там. Позови(те) его, пожалуйста. - Давайте познакомимся! Меня зовут Том. - Очень приятно.	CLO7, CLO8	2				4

	Đáp ứng	Phân bổ thời lượng cho các hoạt động giảng dạy và học tập				
		Thời lượng giảng dạy (Tiết)				Thời gian sinh viên tự học (Giờ)
5.3. Фонетический материал: Nội dung 5.3.1. Сочетания с твёрдыми и мягкими согласными. 5.3.2. Интонационная конструкция ИК-4. 5.3.3. Согласный Ц. 5.3.4. Ритмика многосложных слов и словосочетаний.	CLO1, CDR, CLO2, của học phần CLO3, CLO4	2				4
5.4. Грамматический материал: 5.4.1. Множественное число существительных и притяжательных местоимений. 5.4.2. Специальный вопрос (Чей? Чья? Чьё? Чьи?) 5.4.3. Вопросительная конструкция (Кто он?). 5.4.4. Парадигма глагола I спряжения (знать).	CLO5, CLO6	3				6
5.5. Чтение: Текст «Моя семья».	CLO9, CLO10,	2				4
5.6. Диалог по телефону.	CLO7, CLO8	2				4
5.7. Домашнее задание.	CLO9, CLO10, CLO11, CLO12	2				4
Урок 6		15				30
6.1. Фонетика	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	3				6
6.2. Лексика	CLO3, CLO4	3				6

	Đáp ứng CDR của học phần	Phân bổ thời lượng cho các hoạt động giảng dạy và học tập				
		Thời lượng giảng dạy (Tiết)				Thời gian sinh viên tự học (Giờ)
6.3. Грамматика Nội dung	CLO5, CDR, CLO6	3				6
6.4. Чтение. Говорение.	CLO7, CLO8, CLO9, CLO10, CLO11, CLO12	3				6
6.5. Аудирование.	CLO7, CLO8, CLO11, CLO12	3				6
Урок 7		15				30
7.1. Речевые образцы	CLO7, CLO8	2				4
7.2. Элементы речевого этикета	CLO7, CLO8	2				4
7.3. Фонетический материал: - Правило чтения [я] в безударных позициях. -Отработка чтения числительных 1-20, 30, 40, 50. - Конструкция ИК-2 с вопросительным словом КАКОЙ?	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	2				4
7.4. Грамматический материал: - Имя прилагательное, согласование прилагательных с существительными в роде и числе. - Указательные местоимения (этот, эта, это, эти). - Конструкция «Мне (тебе, Вам) нравится...». «Сколько стоит...?»	CLO5, CLO6	3				6

	Đáp ứng CDR của học phần	Phân bổ thời lượng cho các hoạt động giảng dạy và học tập				
		Thời lượng giảng dạy (Tiết)				Thời gian sinh viên tự học (Giờ)
Nội dung - Сложное предложение с придаточным изъяснительным и с союзом ЧТО. - Сложное предложение с союзом ПОТОМУ ЧТО.						
7.5. Чтение	CLO9, CLO10	2				4
7.6. Диалог по телефону.	CLO7, CLO8	2				4
7.7. Домашнее задание.	CLO9, CLO10, CLO11, CLO12	2				4

6. Ma trận chuẩn đầu ra của học phần với CDR của CTĐT

BẢNG ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TƯƠNG THÍCH CDR CỦA HỌC PHẦN VỚI CDR CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)
1	Chuẩn đầu ra về kiến thức	
	CLO1	PLO2
	CLO2	PLO2
	CLO3	PLO2
	CLO4	PLO2
	CLO5	PLO2
	CLO6	PLO2
2	Chuẩn đầu ra về kỹ năng	
	CLO7	PLO10
	CLO8	PLO10
	CLO9	PLO10
	CLO10	PLO10
3	Mức tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp	
	CLO11	PLO10

	CLO12	PLO10
--	-------	-------

7. Tài liệu giảng dạy học tập

7.1. Tài liệu chính

В.Е. Антонова, М.М. Нахабина, М.В. Сафронова, А.А. Толстых (2011), *Дорога в Россию 1*, Изд. Злотоуст, Санкт-Петербург.

7.2. Tài liệu tham khảo

7.2.1. Д.Т. Эсмантова (2009), *Русский язык: 5 элементов уровень А1 (Элементарный)*, Изд. Злотоуст, Санкт Петербург.

7.2.2. С. Хавроница, А. Широчинская (2003), *Русский язык в упражнениях*, Р.Я., Москва.

8. Nhiệm vụ của giảng viên và sinh viên

Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR của học phần
Урок 4	15			
4.1. Các mẫu lời nói Речевые образцы: - Это аптека? -- Нет, это не аптека. Это почта. - Когда жарко? Летом. - Что это? - Это банк. - Скажите, пожалуйста, где метро?- Метро там.	2	- Giảng viên giới thiệu các mẫu lời nói cho sinh viên, giải thích khi nào, ở đâu, trong những trường hợp nào, tình huống nào thì chúng ta sẽ sử dụng những mẫu lời nói (hành động lời nói này). Tiếp theo giảng viên đưa các ví dụ minh họa, sau đó yêu cầu sinh viên đọc, nhắc lại và đưa ra các ví dụ của mình, tiếp đến giảng viên yêu cầu sinh viên	- Tham gia tích cực vào giờ học, nghe, nói, đọc, viết, đưa ví dụ, nhắc lại và luyện tập các mẫu lời nói theo cặp và làm theo mọi yêu cầu của giảng viên. - Trao đổi, hỏi đáp mọi thắc mắc liên quan đến bài học. - Đề nghị giảng viên giảng lại nếu chưa hiểu.	CLO7, CLO8

Nội dung	Số tiết t	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CĐR của học phần
		luyện tập các mẫu lời nói này. Các mẫu lời nói: - Đây có phải là hiệu thuốc không? – Không, đây không phải là hiệu thuốc. Đây là bưu điện. - Khi nào trời nóng?- Vào mùa hè. - Đây là cái gì? – Đây là ngân hàng. - Làm ơn hãy nói cho tôi biết, metro ở đâu? – Metro ở kia.		
4.2. Элементы речевого этикета: - Можно?- Нельзя. Ничего! Правда? Извини! Извините! Скажи! Скажите! Позвоните! Позвони!	2	- Giảng viên giới thiệu các mẫu nghi thức lời nói cho sinh viên, đưa ra các ví dụ, sau đó yêu cầu sinh viên đọc, nhắc lại và đưa ra các ví dụ của mình, tiếp đến giảng viên yêu cầu sinh viên luyện tập các mẫu nghi thức lời nói này theo từng cặp. - Các mẫu nghi thức lời nói: + Không được! + Không có gì! + Hãy nói! + Hãy gọi điện? + Xin lỗi!	- Tham gia tích cực vào giờ học, nghe, nói, đọc, viết, đưa ví dụ, nhắc lại và luyện tập các mẫu nghi thức lời nói theo cặp và làm theo mọi yêu cầu của giảng viên. - Trao đổi, hỏi đáp mọi thắc mắc liên quan đến bài học. - Đề nghị giảng viên giảng lại nếu chưa hiểu.	CLO7, CLO8
4.3. Фонетический материал: - Понятие о твёрдых и мягких согласных.	2	Giảng viên dạy phát âm phụ âm cứng và phụ âm mềm; cách phát âm các nguyên âm [e], [э] có và không có trọng âm; phụ âm ч,щ; cách đọc đúng cụm từ чт&чн; cách	- Tham gia tích cực vào giờ học, nghe, nói, đọc, viết, nhắc lại và luyện phát âm cũng như làm theo	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

Nội dung	Số tiết t	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR của học phần
- Правило чтения [e], [э] в безударных позициях. - Согласные (ч,щ). - Правило чтения сочетаний чт и чн. - Ритмика многосложных слов и словосочетаний.		phát âm từ phức và cụm từ trong cuốn giáo trình chính từ trang 38 đến trang 57. Sau đó giảng viên cho sinh viên luyện tập và thực hành những kiến thức này. - Giảng viên sửa lỗi phát âm cho từng sinh viên. - Lấy các bài luyện phát âm trong cuốn tài liệu tham khảo số 1 trang 15-24 để sinh viên ôn luyện.	mọi yêu cầu của giảng viên. - Trao đổi, hỏi đáp mọi thắc mắc liên quan đến bài học. - Đề nghị giảng viên phát âm lại từng chữ cái lại nếu chưa phát âm được. - Luyện phát âm các chữ cái, các từ, các câu đơn trong tài liệu tham khảo số 1 trang 15-24.	
4.4. Грамматический материал: - Отрицательные конструкции (нет, это не...). - Обобщение категории рода имён существительных. - Использование императива для выражения обращения и просьбы: Дай(те)! Скажи(те)! Покажи(те)! - Конструкция вопросительного предложения с вопросом к	3	Giảng viên dạy ngữ pháp trong giáo trình chính trang 49-56. - Cấu trúc phủ định нет, это не.... - Tổng kết chung về giống của danh từ. - Cách sử dụng thức mệnh lệnh để đưa ra yêu cầu. - Cấu trúc câu hỏi với từ để hỏi cho danh từ bất động vật. - Cấu trúc câu hỏi với từ để hỏi Ở đâu. + Giao sinh viên đọc: - Tài liệu tham khảo số 1 trang 26-37; 38-40. - Tài liệu tham khảo số 2 trang 34-36	- Tiếp nhận kiến thức mới và làm theo mọi yêu cầu, hướng dẫn của giảng viên. - Xem ngữ liệu bài học trong giáo trình chính trang 49-56 và tài liệu tham khảo số 1 trang 31-32; tài liệu tham khảo số 2 trang 15-17.	CLO5, CLO6

Nội dung	Số tiết t	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CĐR của học phần
неодушевлённым существительным. - Конструкция с вопросом Где?				
4.5. Чтение: Текст «Мой альбом».	2	- Rèn luyện kỹ năng đọc cho sinh viên. Đọc trong giáo trình chính trang 51-55. Đưa ra các bài tập trước, trong và sau khi đọc. + Giao sinh viên đọc: - Tài liệu tham khảo số 1 trang 38-48.	- Sinh viên tích cực, chủ động luyện tập các bài đọc và làm các bài tập trước, trong và sau khi nghe trong giáo trình chính trang 51-55 theo hướng dẫn của giáo viên. - Đọc bổ trợ trong Tài liệu tham khảo số 1 trang 38-48.	CLO9, CLO10, CIO11,CL O12
4.6. Диалог по телефону.	2	- Rèn luyện kỹ năng nghe cho sinh viên. Nghe trong giáo trình chính trang 54-56. Đưa ra các bài tập trước, trong và sau khi nghe. + Giao sinh viên nghe, trong: - Tài liệu tham khảo số 1 trang 38-48.	- Sinh viên tích cực, chủ động luyện tập các bài nghe và làm các bài tập trước, trong và sau khi nghe trong giáo trình chính trang 54-56 theo hướng dẫn của giáo viên. - Nghe bổ trợ trong Tài liệu tham khảo số 1 trang 38-48.	CLO7, CLO8
4.7. Домашнее задание.	2	- Giao bài tập về nhà: làm các BT trang 38-57. - Giao bài tập cho sinh viên nghiên cứu trước ở nhà cho buổi học tiếp theo - giáo trình chính trang 58-77.	- Làm các BT trang 38-57 theo yêu cầu của giáo viên. - Làm lại BT trên lớp, luyện phát âm, học thuộc từ mới. Sinh viên tự chọn, sử	CLO9, CLO10, CLO11, CLO12

Nội dung	Số tiết t	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CĐR của học phần
			dụng thêm các tài liệu tham khảo phù hợp để tự luyện tập. - Đọc tài liệu trong cuốn giáo trình chính trang 58-77 để chuẩn bị cho buổi học tiếp theo.	
Урок 5	15			
5.1. Các mẫu lời nói Речевые образцы: - Как вас зовут? - Меня зовут Виктор. - Вы знаете, кто он? - Я знаю, кто он. Он инженер. - Чьи это вещи? - Мои.	2	- Giảng viên giới thiệu các mẫu lời nói cho sinh viên, giải thích khi nào, ở đâu, trong những trường hợp nào, tình huống nào thì chúng ta sẽ sử dụng những mẫu lời nói (hành động lời nói này). Tiếp theo giảng viên đưa các ví dụ minh họa, sau đó yêu cầu sinh viên đọc, nhắc lại và đưa ra các ví dụ của mình, tiếp đến giảng viên yêu cầu sinh viên luyện tập các mẫu lời nói này. - Bạn tên là gì? - Tôi tên là Victor. - Bạn có biết, anh ấy là ai không? - Tôi biết, anh ấy là ai. Anh ấy là kỹ sư. - Đây là những đồ vật của ai? – Chúng là của tôi.	- Tham gia tích cực vào giờ học, nghe, nói, đọc, viết, đưa ví dụ, nhắc lại và luyện tập các mẫu lời nói theo cặp và làm theo mọi yêu cầu của giảng viên. - Trao đổi, hỏi đáp mọi thắc mắc liên quan đến bài học. - Đề nghị giảng viên giảng lại nếu chưa hiểu.	CLO7, CLO8
5.2. Элементы речевого этикета:	2	- Giảng viên giới thiệu các mẫu nghi thức lời nói cho sinh viên, đưa ra các ví dụ,	- Tham gia tích cực vào giờ học, nghe, nói, đọc, viết, đưa ví	CLO7, CLO8

Nội dung	Số tiết t	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CĐR của học phần
- Привет! Пока! - Вы не знаете, где метро?- Конечно, знаю. Вон там. Позови(те) его, пожалуйста. - Давайте познакомимся! Меня зовут Том. - Очень приятно.		sau đó yêu cầu sinh viên đọc, nhắc lại và đưa ra các ví dụ của mình, tiếp đến giảng viên yêu cầu sinh viên luyện tập các mẫu nghi thức lời nói này theo từng cặp. - Các mẫu nghi thức lời nói: + Xin chào! + Tạm biệt! + Bạn có biết Metro ở đâu không? – Tất nhiên, tôi biết. Nó kia. + Làm ơn hãy gọi anh ấy? + Hãy làm quen nào! Tôi tên là Tôm. – Rất hân hạnh!	dụ, nhắc lại và luyện tập các mẫu nghi thức lời nói theo cặp và làm theo mọi yêu cầu của giảng viên. - Trao đổi, hỏi đáp mọi thắc mắc liên quan đến bài học. - Đề nghị giảng viên giảng lại nếu chưa hiểu.	
5.3. Фонетический материал: - Сочетания с твёрдыми и мягкими согласными. - Интонационная конструкция ИК-4. - Согласный Ц. - Ритмика многосложных слов и словосочетаний.	2	Giảng viên dạy phát âm cụm từ với phụ âm cứng và phụ âm mềm; phụ âm Ц; cách phát âm từ phức và cụm từ, ngữ điệu 4 trong cuốn giáo trình chính từ trang 58 đến trang 77. Sau đó giảng viên cho sinh viên luyện tập và thực hành những kiến thức này. - Giảng viên sửa lỗi phát âm cho từng sinh viên. - Lấy các bài luyện phát âm trong cuốn tài liệu tham khảo số 1 trang 38-48 để sinh viên ôn luyện.	- Tham gia tích cực vào giờ học, nghe, nói, đọc, viết, nhắc lại và luyện phát âm cũng như làm theo mọi yêu cầu của giảng viên. - Trao đổi, hỏi đáp mọi thắc mắc liên quan đến bài học. - Đề nghị giảng viên phát âm lại từng chữ cái lại nếu chưa phát âm được. - Luyện phát âm các chữ cái, các từ, các câu đơn trong tài liệu tham khảo số 1 trang 38-48.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

Nội dung	Số tiết t	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CĐR của học phần
5.4. Грамматический материал: - Множественное число существительных и притяжательных местоимений. - Специальный вопрос (Чей? Чья? Чьё? Чьи?) - Вопросительная конструкция (Кто он?). - Парадигма глагола I спряжения (знать).	3	Giảng viên dạy ngữ pháp trong giáo trình chính trang 64-67. - Số nhiều của danh từ và đại từ sở hữu. - Câu hỏi cho đại từ sở hữu (Чей? Чья? Чьё? Чьи?). - Câu hỏi nghề nghiệp. - Cách chia động từ kiểu thứ nhất. + Giao sinh viên đọc: - Tài liệu tham khảo số 1 trang 49-62; 63-67. - Tài liệu tham khảo số 2 trang 47-49.	- Tiếp nhận kiến thức mới và làm theo mọi yêu cầu, hướng dẫn của giảng viên. - Xem ngữ liệu bài học trong giáo trình chính trang 64-67 và tài liệu tham khảo khảo số 1 trang 49-62; 63-67; tài liệu tham khảo số 2 trang 47-49.	CLO5, CLO6
5.5. Чтение: Текст «Моя семья».	2	- Rèn luyện kỹ năng đọc cho sinh viên. Đọc trong giáo trình chính trang 67-74. Đưa ra các bài tập trước, trong và sau khi đọc. + Giao sinh viên đọc: - Tài liệu tham khảo số 1 trang 49-62; 63-67.	- Sinh viên tích cực, chủ động luyện tập các bài đọc và làm các bài tập trước, trong và sau khi nghe trong giáo trình chính trang 67-74 theo hướng dẫn của giảng viên. - Đọc bổ trợ trong Tài liệu tham khảo số 1 trang 49-62; 63-67.	CLO9, CLO10
5.6. Диалог по телефону.	2	- Rèn luyện kỹ năng nghe cho sinh viên. Nghe trong giáo trình chính trang 68-76. Đưa ra các bài tập trước, trong và sau khi nghe. + Giao sinh viên đọc:	- Sinh viên tích cực, chủ động luyện tập các bài nghe và làm các bài tập trước, trong và sau khi nghe trong giáo trình chính	CLO7, CLO8

Nội dung	Số tiết t	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CĐR của học phần
		- Tài liệu tham khảo số 1 trang 49-62; 63-67.	trang 68-76 theo hướng dẫn của giáo viên. - Nghe hỗ trợ trong Tài liệu tham khảo số 1 trang 49-62; 63-67.	
5.7. Домашнее задание.	2	- Giao bài tập về nhà: làm các BT trang 38-57. - Giao bài tập cho sinh viên nghiên cứu trước ở nhà cho buổi học tiếp theo- giáo trình chính trang 78-95.	- Làm các BT trang 38-57 theo yêu cầu của giáo viên. - Làm lại BT trên lớp, luyện phát âm, học thuộc từ mới. Sinh viên tự chọn, sử dụng thêm các tài liệu tham khảo phù hợp để tự luyện tập. - Đọc tài liệu trong cuốn giáo trình chính trang 78-95 để chuẩn bị cho buổi học tiếp theo.	CLO9, CLO10, CLO11, CLO12
Урок 6	15			
6.1. Ngữ âm - Фонетика	3	- Ôn tập lại toàn bộ các phụ âm, nguyên âm đã được học từ bài 1 đến bài 5. Bao gồm 10 nguyên âm, 21 phụ âm. - Các trường hợp hữu thanh hóa vô thanh. - Cách phát âm phụ âm vang ở cuối và giữa từ trước các phụ âm vang khác và trước các phụ âm không vang. - Cách phát âm các phụ âm mềm và phụ âm cứng.	- Nghiên cứu tài liệu trong cuốn giáo trình chính trang 78-84. - Ôn tập lại toàn bộ phần ngữ liệu ngữ âm đã được trang bị trong 5 bài học trước. - Làm các bài tập trang 78-84. - Tự đọc các từ và cụm từ. Nối âm giữa các từ, cụm từ và câu.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

Nội dung	Số tiết t	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR của học phần
		- Vai trò của dấu mềm trong từ. - Cách phát âm các nguyên âm mang và không mang trọng âm. - Trọng âm của từ. - Ngữ điệu 1,2,3,4 trong tiếng Nga. * Sau khi ôn lại toàn bộ phần kiến thức kể trên, giảng viên giao bài cho sinh viên luyện tập.	- Làm các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.	
6.2. Лексика Từ vựng	3	+ Ôn tập cho sinh viên: - Từ vựng theo chủ đề, chủ điểm: gia đình, trường học, bài học, nghề nghiệp, thành phố. - Từ cùng gốc. - Sử dụng các từ để tạo thành câu đơn và câu phức.	- Nghiên cứu tài liệu trong cuốn giáo trình chính trang 84-86. - Ôn tập lại toàn bộ phần ngữ liệu từ vựng đã được trang bị trong 5 bài học trước. - Làm các bài tập trang 84-86. - Nghiên cứu phần từ cùng gốc, đưa ra các câu hỏi và yêu cầu giảng viên giải thích thêm nếu chưa hiểu vấn đề. - Làm các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

Nội dung	Số tiết t	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR của học phần
6.3. Ngữ pháp Грамматика	3	+Củng cố, ôn tập cho sinh viên: - Giống của danh từ trong tiếng Nga. - Đại từ sở hữu và câu hỏi cho đại từ sở hữu. - Câu phức với các từ để hỏi. - Số nhiều của danh từ. + Giao sinh viên đọc: * Tài liệu tham khảo quyển 1 trang 116-124; 143-156. * Tài liệu tham khảo quyển 2 trang 43-46; 47-53.	- Nghiên cứu tài liệu trong cuốn giáo trình chính trang 87-90. - Ôn tập lại toàn bộ phần ngữ liệu ngữ pháp đã được trang bị trong 5 bài học trước. - Làm các bài tập trang 87-90. - Làm các bài tập theo yêu cầu của giảng viên. * Tài liệu tham khảo quyển 1 trang 116-124; 143-156. * Tài liệu tham khảo quyển 2 trang 43-46; 47-53.	CLO5, CLO6
6.4. Đọc, Nói Чтение. Говорение.	3	+ Giảng ngữ liệu trong: Tài liệu giáo trình chính trang 91-93. - Đọc các từ, cụm từ và câu. - Đọc các bài khóa ngắn. - Miêu tả căn phòng, địa điểm nào đó. - Hoàn thiện các bài hội thoại với các câu trả lời hoặc câu hỏi cho trước. - Nói về gia đình, bạn bè, thành phố, trường học, thầy cô, giờ học, lớp học ... của mình. - Nói 1 số tình huống: Lớp bạn có sinh viên mới, hãy	- Nghiên cứu tài liệu trong cuốn giáo trình chính trang 91-93. - Ôn tập lại toàn bộ phần ngữ liệu đọc, nói theo các chủ đề đã được trang bị trong 5 bài học trước. - Làm các bài tập trang 91-93. - Làm các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.	CLO7,CL O8 CLO9, CLO10, CLO11, CLO12

Nội dung	Số tiết t	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CĐR của học phần
		làm quen với người bạn mới này; yêu cầu bạn của mình cho xem bức ảnh gia đình của anh ấy và đề nghị anh ấy giới thiệu về gia đình cho mình; gọi điện cho bạn của mình xem bạn ấy có nhà hay không, công việc học tập của bạn ấy thế nào...		
6.5. Nghe Аудирование.		+ Dạy ngữ liệu trong: Tài liệu giáo trình chính trang 94-95. - Nghe các bài hội thoại rồi trả lời câu hỏi. - Nghe các bài hội thoại rồi chọn đáp án đúng. - Nghe rồi điền vào chỗ trống. - Nghe rồi kể lại nội dung đã nghe. - Nghe rồi viết và nói bài tương tự như bài đã nghe.	- Sinh viên tích cực, chủ động luyện tập các bài nghe và làm các bài tập trước, trong và sau khi nghe trong giáo trình chính trang 94-95 theo hướng dẫn của giáo viên. - Làm các bài tập trang 94-95. - Làm các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.	CLO7, CLO8
Урок 7	15			
7.1. Mẫu lời nói Речевые образцы - Сколько стоит этот зонт? - 55 рублей. Мне нравятся эти цветы. Я думаю, что сегодня хорошая погода.	2	- Giảng viên giới thiệu các mẫu lời nói cho sinh viên, giải thích khi nào, ở đâu, trong những trường hợp nào, tình huống nào thì chúng ta sẽ sử dụng những mẫu lời nói (hành động lời nói này). Tiếp theo giảng viên đưa các ví dụ minh họa, sau đó yêu cầu sinh	- Tham gia tích cực vào giờ học, nghe, nói, đọc, viết, đưa ví dụ, nhắc lại và luyện tập các mẫu lời nói theo cặp và làm theo mọi yêu cầu của giảng viên.	CLO7, CLO8

Nội dung	Số tiết t	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CĐR của học phần
- Какая это улица? - Это улица Чехова? - Какой это журнал? - Это интересный журнал.		viên đọc, nhắc lại và đưa ra các ví dụ của mình, tiếp đến giảng viên yêu cầu sinh viên luyện tập các mẫu lời nói này. - Mẫu lời nói: + Cái ô này giá bao nhiêu? – 55 rúp. + Tôi thích những bông hoa này. + Tôi nghĩ rằng hôm nay thời tiết tốt. + Đây là phố gì vậy? + Đây là phố Triakhop phải không? + Đây là tạp chí như thế nào? – Đây là một tạp chí hay.	- Trao đổi, hỏi đáp mọi thắc mắc liên quan đến bài học. - Đề nghị giảng viên giảng lại nếu chưa hiểu.	
7.2. Nghi thức lời nói Элементы речевого этикета - Повтори(те)! Как ты думаешь, сегодня холодно? -Давай пойдём! Вам нравится ... ? -До завтра. -Москва как на ладони.	2	- Giảng viên giới thiệu các mẫu nghi thức lời nói cho sinh viên, đưa ra các ví dụ, sau đó yêu cầu sinh viên đọc, nhắc lại và đưa ra các ví dụ của mình, tiếp đến giảng viên yêu cầu sinh viên luyện tập các mẫu nghi thức lời nói này theo từng cặp. - Các mẫu nghi thức lời nói: + Hãy nhắc lại! Bạn nghĩ thế nào, hôm nay trời lạnh phải không? + Hãy cùng nhau đi nào! Bạn thích phải không? + Hẹn đến ngày mai.	- Tham gia tích cực vào giờ học, nghe, nói, đọc, viết, đưa ví dụ, nhắc lại và luyện tập các mẫu nghi thức lời nói theo cặp và làm theo mọi yêu cầu của giảng viên. - Trao đổi, hỏi đáp mọi thắc mắc liên quan đến bài học. - Đề nghị giảng viên giảng lại nếu chưa hiểu.	CLO7, CLO8

3. Thảo luận nhóm	CLO1-12
4. Trả lời câu hỏi, phát biểu, trao đổi ý kiến xây dựng bài	CLO1-12

9.2. Hình thức kiểm tra, đánh giá

BẢNG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp/ hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm đánh giá	Hệ số	Đáp ứng CDR học phần	Trọng số
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Điểm chuyên cần	Đánh giá mức độ chuyên cần	- Thời gian lên lớp nghe giảng - Tinh thần thái độ học tập. - Mức độ tham gia các hoạt động nhóm, làm bài tập...	Toàn bộ các tuần	1	CLO11,12	40%
	A1.2. Bài kiểm tra 1	Hình thức Kiểm tra	- Nội dung kiến thức. - Phương pháp trình bày. - Mức độ sáng tạo.	Tuần thứ 4		CLO1-10	
	A1.3. Bài kiểm tra 2	Hình thức Kiểm tra	- Nội dung kiến thức. - Phương pháp trình bày. - Mức độ sáng tạo.	Tuần thứ 6		CLO1-10	
	Bài kiểm tra cuối kỳ	- Một bài trắc nghiệm giấy - - Kỹ năng Nghe, Đọc 60 câu và một bài viết luận.	- Hình thức: Khoa học, đẹp theo qui định trình bày văn phong khoa học. - Nội dung: Đảm bảo được yêu cầu môn học. - Không vi phạm vấn đề sao chép.	Tuần thứ 8	2	CLO1-10	
A2. Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Thi trắc nghiệm/ Tự luận/ Vấn đáp	- Mức độ chuẩn bị câu hỏi trắc nghiệm, bài tự luận và vấn đáp - Thái độ nghiêm túc tham gia kỳ thi, không vi phạm qui chế thi cử.	Tuần thứ 9-11		CLO1-12	60%

10. Thông tin về người/ nhóm biên soạn

STT	Họ và tên	Học hàm/ học vị	Ghi chú
1.	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thạc sỹ	

PHÊ DUYỆT**Giảng viên biên soạn****Chủ nhiệm khoa NN Nga-Hàn****Nguyễn Thị Thanh Tâm****Lê Thanh Vạn****Chủ nhiệm khoa Môi trường****TS. Đỗ Văn Sáng**